TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23/4/2018.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Lý Công Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Minh Thuận**

2. Ông **Huỳnh Quốc Khởi**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Chí Hướng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Lý Út Hoài** – Kiểm sát viên

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 06.3.2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Phan Văn H**; Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Số 251, ấp Sóc Lèo B, thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Bị đơn:* Bà **Quách Thị Nguyệt Ng**; Sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số 251, ấp Sóc Lèo B, thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày:

Ông và bà Quách Thị Nguyệt Ng kết hôn với nhau vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian dài nhưng đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do làm ăn thất bại, vợ chồng thường hay cãi nhau thường xuyên hơn nên đến tháng 7 năm 2014 thì ông và bà Ng không còn sống chung.

Trong quá trình chung sống ông và bà Quách Thị Nguyệt Ng có hai người con chung tên Phan Thị Hồng Đ, sinh năm 1996 và Phan Thị Hồng Ph, sinh ngày 19/9/1999. Hiện nay các con chung của ông và bà Ng đều đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Nay ông Phan Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Quách Thị Nguyệt Ng; Về con chung: Các con chung hiện nay đều đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Quách Thị Nguyệt Ng trình bày tại biên bản lấy khai ngày 23/3/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì bà Nga thống nhất với phần trình bày của ông Phan Văn H về thời gian kết hôn, khi kết hôn thì không có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung cũng như thời gian ly thân như ông H trình bày là đúng nhưng theo bà Ng nguyên nhân bà và ông H mâu thuẫn là do ông Hùng lo ăn chơi không lo làm ăn nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Qua yêu cầu của ông Phan Văn H thì bà có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn vì bà không còn tình cảm với ông H.
- Về con chung: Các con chung hiện nay đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phan Văn H và bị đơn Quách Thị Nguyệt Ng sống chung với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức được quy định. Việc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội, về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình quy định: Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

[2] Nguyên đơn H và bị đơn Ng chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên, pháp luật không công nhận nguyên đơn H và bị đơn Ng là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Ông H và bà Ng cùng thừa nhận có hai đứa con chung và hiện nay các con của họ đã trưởng thành tự nuôi sống bản thân. Và tại tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung*:* các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung*:* các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Phan Văn H chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa nguyên đơn ông Phan Văn H với bị đơn bà Quách Thị Nguyệt Ng là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Các con chung của ông H và bà Ng là Phan Thị Hồng Đ, sinh năm 1996 và Phan Thị Hồng Ph, sinh ngày 19/9/1999 hiện nay đều đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Văn H và bà Quách Thị Nguyệt Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009504, ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (ông H đã thực hiện xong). Bà Quách Thị Nguyệt Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKS huyện Trần Đề
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Trần Đề,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Lý Công Minh